

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo  
bền vững thành phố Cần Thơ năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4174/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 thành phố Cần Thơ;

Thực hiện Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Cần Thơ năm 2023, cụ thể như sau:

**I. THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO**

Qua kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022, thành phố Cần Thơ có 1.904 hộ nghèo với 6.456 khẩu, chiếm tỷ lệ 0,52% so với hộ dân và 7.591 hộ cận nghèo với 29.449 khẩu chiếm tỷ lệ 2,06% với những đặc trưng cơ bản như sau:

- Hộ nghèo khu vực thành thị:	1.462 hộ, tỷ lệ 0,55%
- Hộ nghèo khu vực nông thôn:	442 hộ, tỷ lệ 0,44%
- Hộ nghèo dân tộc thiểu số:	113 hộ, tỷ lệ 1,14% <sup>1</sup>
- Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản hộ nghèo:	
+ Việc làm:	1.151 hộ, tỷ lệ 60,45%
+ Người phụ thuộc trong hộ gia đình:	944 hộ, tỷ lệ 49,58%
+ Dinh dưỡng:	47 hộ, tỷ lệ 2,47%
+ Bảo hiểm y tế:	1.675 hộ, tỷ lệ 87,97%
+ Trình độ giáo dục người lớn:	339 hộ, tỷ lệ 17,8%
+ Tình trạng đi học của trẻ em:	126 hộ, tỷ lệ 6,62%
+ Chất lượng nhà ở:	771 hộ, tỷ lệ 40,49%
+ Diện tích nhà ở dưới 8m <sup>2</sup> /người:	506 hộ, tỷ lệ 26,58%

<sup>1</sup> So với tổng số hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố.

+ Nguồn nước sinh hoạt:	114 hộ, tỷ lệ 5,99%
+ Nhà tiêu hợp vệ sinh:	464 hộ, tỷ lệ 24,37%
+ Sử dụng dịch vụ viễn thông:	549 hộ, tỷ lệ 28,83%
+ Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin:	174 hộ, tỷ lệ 9,14%
- Hộ nghèo theo các nguyên nhân	
+ Không có đất sản xuất:	1.437 hộ
+ Không có vốn sản xuất, kinh doanh:	944 hộ
+ Không có lao động:	667 hộ
+ Không có công cụ, phương tiện sản xuất:	532 hộ
+ Không có kiến thức về sản xuất:	344 hộ
+ Không có kỹ năng lao động, sản xuất:	425 hộ
+ Có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn...	656 hộ

## II. MỤC TIÊU THỰC HIỆN

### 1. Mục tiêu chung

Nâng dần tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản; nâng cao mức sống, thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo, giảm nghèo bền vững.

### 2. Mục tiêu cụ thể

a) Phân đầu đến cuối năm 2023 giảm 0,20% tỷ lệ hộ nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 0,32% so với hộ dân; giảm 0,76% tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số; giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số xuống còn 0,38% so với hộ dân tộc thiểu số.

b) Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo bền vững để cải thiện điều kiện sống của người nghèo và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như chính sách phát triển sản xuất, đất sản xuất; chính sách tín dụng ưu đãi; chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế; giáo dục và đào tạo; nhà ở; nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

### 3. Các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến cuối năm 2023

#### a) Các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phân đầu đến cuối năm 2023 giảm 0,20% tỷ lệ hộ nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 0,32% so với hộ dân; giảm 0,76% tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số; giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số xuống còn 0,38 so với hộ dân tộc thiểu số; Phân đầu giảm ít nhất 726 hộ nghèo so với đầu năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

- Duy trì và nhân rộng 33 mô hình sinh kế giảm nghèo nhằm tạo việc làm, thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phân đầu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp nhằm đổi



mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- Phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm ổn định.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình, chính sách giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Tối thiểu 200 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm 15 trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi; số trẻ em suy dinh dưỡng của thành phố đến cuối năm 2023 còn 65 trẻ.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 95%.

+ Trên 200 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Tối thiểu 500 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 85% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 95% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

### **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Phạm vi của Chương trình**

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 thực hiện trên phạm vi toàn thành phố.

#### **2. Đối tượng của Chương trình**

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên phạm vi toàn thành phố. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo có thành viên là người có

công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn thành phố.

c) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn thành phố.

d) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

### **3. Thời gian thực hiện Chương trình**

Đến hết năm 2023.

## **IV. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng:

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi thành phố;

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ vốn vay ưu đãi, phát triển sản xuất; hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp gồm: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn gia súc; hỗ trợ vốn vay làm chuồng trại chăn nuôi, ao nuôi, tập huấn kỹ thuật, đào tạo nghề.

- Duy trì và nhân rộng 33 mô hình sinh kế, tập trung mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm theo hướng sản xuất hàng hoá để người nghèo tiếp cận và tham gia; mô hình liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, cộng đồng với doanh nghiệp; mô hình hỗ trợ sản xuất, tạo thu nhập cho người nghèo.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện dự án.

đ) Vốn và nguồn vốn:

- Vốn thực hiện: 10.502 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội: 3.775 triệu đồng.

+ Huy động cộng đồng: 6.727 triệu đồng



## **2. Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, cải thiện dinh dưỡng**

### **2.1 Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, lồng ghép chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

#### **b) Đối tượng:**

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi thành phố.

- Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo và phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

#### **c) Nội dung hỗ trợ:**

- Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyên giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

d) Phân công thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Tiêu dự án 1.

#### **đ) Vốn và nguồn vốn:**

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1 tỷ đồng, trong đó:

+ Ngân sách địa phương: 800 triệu đồng

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 200 triệu đồng.

### **2.2 Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn.

#### **b) Đối tượng:**

- Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em sinh sống trên địa bàn;

- Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, trường học trên địa bàn.

#### **c) Nội dung hỗ trợ:**



- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn;

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d) Phân công thực hiện: Sở Y tế chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2.

đ) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 80 triệu đồng, từ nguồn ngân sách địa phương.

### **3. Dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp**

a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp chú trọng chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Hỗ trợ đào tạo nghề cho người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống; đào tạo nghề cho người thuộc hộ nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ: Đào tạo nghề trên 200 người, trong đó:

- Thực hiện đào tạo nghề cho người thuộc hộ nghèo trên 80 người. Kinh phí thực hiện: 472 triệu đồng.

- Thực hiện đào tạo nghề cho người thuộc hộ cận nghèo trên 120 người. Kinh phí thực hiện: 648 triệu đồng.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện Dự án 3.

đ) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.120 triệu đồng, từ nguồn ngân sách địa phương.

### **4. Dự án 4: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho khoảng 500 căn nhà hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn.



c) Nội dung hỗ trợ: Xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có; đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m<sup>2</sup> “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) và tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

d) Phân công thực hiện: Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn (khi Đề án nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt) để hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở; Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chủ trì phối hợp các Sở, ban, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện vận động hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

đ) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 20.000 triệu đồng, trong đó: Vốn huy động từ nguồn xã hội hóa: 20.000 triệu đồng

### **5. Dự án 5: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

a) Mục tiêu:

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

- Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn;

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện dự án.

d) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 200 triệu đồng, từ nguồn ngân sách địa phương.

### **6. Dự án 6: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng tái nghèo; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững; tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Đối tượng:

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ ấp, khu vực) chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

- Các cấp, các ngành, các địa phương;

- Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo các cấp và cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, Chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

d) Phân công thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện dự án.

đ) Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 190 triệu đồng, từ nguồn ngân sách địa phương.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo thành phố năm 2023 là 827.374 triệu đồng; phân theo nguồn như sau:

- Ngân sách Trung ương: 580 triệu đồng (Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo điểm a, khoản 1, Điều 2 Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ).

- Ngân sách thành phố: 38.151 triệu đồng.

- Nguồn vốn vay ưu đãi: 759.994 triệu đồng.

- Huy động cộng đồng: 28.649 triệu đồng.

## **VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Nguyên tắc thực hiện Chương trình**

a) Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

b) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở quận, huyện, xã, phường, thị trấn. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

### **2. Giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực**

a) Ngân sách thành phố giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ



chức, cá nhân trong và ngoài nước; tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

b) Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

c) Lồng ghép nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các Chương trình khác để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

### **3. Cơ chế quản lý, thực hiện**

a) Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Cần Thơ; Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững cấp huyện, cấp xã hoạt động theo Quy chế được ban hành.

#### **b) Cơ chế thực hiện**

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn nghèo thông qua các dự án đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyên giao kỹ thuật, quản lý mô hình sinh kế; cơ chế hỗ trợ người học nghề thuộc đối tượng của Chương trình.

- Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, cấp huyện, cấp xã sẽ chủ động bố trí ngân sách hàng năm để bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình đề ra.

- Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

### **4. Công tác tuyên truyền**

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.



b) Thực hiện tốt Phong trào thi đua “Chung tay vì người nghèo và công tác an sinh xã hội”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Các Sở, ban, ngành của thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của thành phố năm 2023 và chức năng nhiệm vụ của đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2023 trên địa bàn lĩnh vực phụ trách; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách bổ sung hoàn thiện Chương trình để kiến nghị cấp thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời.

Giao các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện các công việc cụ thể sau đây:

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; thực hiện chính sách dạy nghề người lao động thuộc hộ nghèo, người lao động thuộc hộ cận nghèo; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cơ sở, các Trưởng ấp, khu vực và cán bộ đoàn thể phối hợp lồng ghép thực hiện Chương trình ở các cấp.

b) Chủ trì, phối hợp tổ chức công tác kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện Chương trình.

d) Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện dự án 1, dự án 3, dự án 5 và dự án 6.

### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương lồng ghép thực hiện các Chương trình, công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, thực hiện các chính sách, dự án về khuyến nông, lâm, ngư và hỗ trợ phát triển nông nghiệp như: tập huấn chuyên gia khoa học kỹ thuật, hướng dẫn cách làm ăn, nhân rộng mô hình phát triển sản xuất, chăn nuôi giảm nghèo hiệu quả cho hộ nghèo; hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận, sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh.

b) Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 2.

### **3. Sở Y tế**

a) Tổ chức thực hiện hỗ trợ cho người nghèo khám, chữa bệnh, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội và các đơn vị liên quan trong việc vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế.

b) Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tuyến cơ sở, đảm bảo người nghèo tiếp cận dịch vụ y tế khi có nhu cầu.

c) Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 2.



#### **4. Sở Xây dựng**

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn (khi Đề án nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt) để hỗ trợ hộ nghèo khó khăn về nhà ở.

b) Phối hợp với cơ quan chủ trì và các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng cơ chế, chính sách của thành phố hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khu vực đô thị trên cơ sở huy động nguồn lực của cộng đồng, gia đình, dòng họ người nghèo; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo chức năng nhiệm vụ.

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ và các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện dự án 4.

#### **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Phối hợp các Sở, ban ngành, địa phương tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận thông tin; đưa văn hóa về cơ sở, ưu tiên hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là địa bàn xã thuộc vùng khó khăn, trên địa bàn thành phố.

b) Tổ chức đa dạng các hoạt động truyền thông, tư vấn để nâng cao nhận thức, tính chủ động vươn lên của người nghèo.

c) Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện dự án 5.

#### **6. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với các địa phương thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp khó khăn, cấp học bổng, hỗ trợ dụng cụ học tập đối với học sinh thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số, hỗ trợ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi theo quy định.

#### **7. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối ngân sách (nguồn đầu tư phát triển), bố trí và phân bổ nguồn lực để thực hiện Chương trình theo quy định.

b) Phối hợp các Sở, ngành và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố đạt hiệu quả cao.

#### **8. Sở Tài chính**

Căn cứ đề nghị của cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Chương trình trên cơ sở lồng ghép với các Chương trình, Đề án và nhiệm vụ chi khác có liên quan, đồng thời hướng dẫn các đơn vị thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành.



### **9. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã theo quy định của pháp luật và phù hợp tình hình thực tiễn của thành phố.

### **10. Sở Tư pháp**

Chủ trì tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của thành phố.

### **11. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Cần Thơ**

Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan, các tổ chức Hội đoàn thể, địa phương cung cấp nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn phát triển sản xuất, xuất khẩu lao động, làm nhà ở, học sinh, sinh viên nghèo vay chi phí học tập... theo quy định.

### **12. Ban Dân tộc thành phố**

Chủ trì, phối hợp các Sở, ban ngành thành phố theo dõi, đôn đốc nhắc nhở, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, chỉ đạo các địa phương tổ chức thực hiện một số chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo Dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

### **13. Bảo hiểm xã hội thành phố:**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành thực hiện các giải pháp tăng độ bao phủ bảo hiểm y tế trên dân số đạt chỉ tiêu được giao.

Chủ trì thực hiện kế hoạch tuyên truyền, vận động người dân trên địa bàn thành phố tham gia bảo hiểm y tế theo quy định.

**14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố:** tiếp tục đẩy mạnh vận động Quỹ “Vì người nghèo” để thực hiện các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo làm nhà ở và tham gia nhân rộng mô hình giảm nghèo để tăng thu nhập. Chỉ đạo các thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức xã hội, đoàn thể tiếp tục phát huy thành quả đạt được về xã hội hóa góp phần thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững ở các địa phương.

**15. Các Hội, đoàn thể (Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh...):** Thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục thường xuyên đối với hội viên nghèo để nâng cao nhận thức, ý thức vươn lên thoát nghèo; hỗ trợ công tác dạy nghề, phối hợp Ngân hàng Chính sách xã hội hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất và tham gia xây dựng các mô hình giảm nghèo bền vững ở địa phương.

### **16. Ủy ban nhân dân các quận, huyện**

a) Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 của thành phố, tiến hành xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 của địa phương;



thông qua cấp ủy để thống nhất và chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn quận, huyện, xã, phường, thị trấn.

b) Chỉ đạo Phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chủ động và tích cực thực hiện nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn.

c) Tổ chức huy động, vận động các nguồn lực và thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn chuyên môn của các Sở, ban, ngành liên quan.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Cần Thơ năm 2023; yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện. Đồng thời, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ 06 tháng (báo cáo trước ngày 15 tháng 6; báo cáo năm trước ngày 15 tháng 11) thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. /

(Đính kèm Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3)

**Nơi nhận:**

- Bộ Lao động-TB&XH (để báo cáo);
- Văn phòng Quốc gia giảm nghèo;
- UBMTTQVN TP;
- Các sở, ban ngành, Đoàn thể thành phố;
- UBND quận, huyện;
- VP.UBND TP (3C);
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, HK.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thực Hiện**



Phụ lục 1

**BẢNG TỔNG HỢP MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số: 82 /KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Chia theo quận, huyện								
					Ninh Kiểu	Ô Môn	Bình Thủy	Cái Răng	Thốt Nốt	Vĩnh Thạnh	Cờ Đỏ	Phong Điền	Thới Lai
1	Tổng số hộ dân	Hộ	368.369	368.369	99.081	35.154	44.499	32.815	41.782	27.153	30.134	28.362	29.389
2	Hộ nghèo	Hộ	1.904	1.178	100	106	76	68	480	146	60	62	80
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,52	0,32	0,10	0,3	0,17	0,21	1,15	0,54	0,2	0,22	0,27
4	Số hộ giảm nghèo	Hộ	1.009	726	98	99	71	40	210	92	19	30	67
5	Tỷ lệ giảm nghèo	%	0,28	0,20	0,10	0,28	0,16	0,12	0,50	0,34	0,06	0,10	0,23



## Phụ lục 2

**BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số: 82 /KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
<b>I</b>	<b>MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO</b>			
	- Hộ dân	Hộ	368.369	368.369
	- Hộ nghèo	Hộ	1.904	1.178
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,52	0,32
	- Tỷ lệ giảm nghèo	%	0,28	0,20
	Trong đó:			
	Hộ dân tộc thiểu số	Hộ	9.908	9.908
	Hộ nghèo dân tộc thiểu số	Hộ	113	67
	Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số	%	1,14	0,38
	+ Hộ thoát nghèo	Hộ	1.009	726
	+ Hộ nghèo phát sinh mới	Hộ	0	0
	+ Hộ tái nghèo	Hộ	0	0
	- Hộ cận nghèo	Hộ	7.591	5.747
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	2,06	1,56
<b>II</b>	<b>CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO:</b>			
<b>1</b>	<b>Tín dụng ưu đãi (Ngân hàng CSXH)</b>			
	- Tổng doanh số cho vay trong kỳ:	Tr. đồng	1.124.860	759.994
	Trong đó: - Nguồn vốn trung ương	Tr. đồng	961.013	728.721
	- Nguồn vốn địa phương	Tr. đồng	163.847	145.855
	- Tổng số lượt hộ nghèo và đối tượng chính sách được vay trong kỳ:	Hộ	30.023	34.526
	Trong đó hộ nghèo và đối tượng chính sách là dân tộc thiểu số:	Hộ	431	496
	Chia theo đối tượng vay:			
	+ Số hộ nghèo vay:	Hộ	253	291
	(Trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số):	Hộ	6	7
	Số tiền vay:	Tr. đồng	8.891	10.225
	(Trong đó số tiền cho hộ nghèo DTTS vay):	Tr. đồng	165	190
	+ Số hộ vay Giải quyết việc làm:	Hộ	12.501	14.376
	Số tiền vay:	Tr. đồng	555.036	638.291
	+ Số Học sinh, sinh viên vay:	Hộ	3.849	4.426
	Số tiền vay:	Tr. đồng	136.628	157.122
	+ Số hộ vay nước sạch và vệ sinh môi trường:	Hộ	9.320	10.718
	Số tiền vay:	Tr. đồng	178.236	204.971
	+ Số hộ cận nghèo được vay vốn:	Hộ	929	1.068
	(Trong đó hộ cận nghèo dân tộc thiểu số):	Hộ	28	32
	Số tiền vay:	Tr. đồng	33.692	38.746
	(Trong đó số tiền hộ cận nghèo DTTS vay):	Tr. đồng	924	1.063
	+ Số hộ mới thoát nghèo được vay vốn:	Hộ	3.115	3.582
	(Trong đó hộ thoát nghèo dân tộc thiểu số):	Hộ	78	90
	Số tiền vay:	Tr. đồng	125.949	144.841
	(Trong đó số tiền hộ cận nghèo DTTS vay):	Tr. đồng	2.951	3.394
	- Tổng số hộ dư nợ:	Hộ	92.811	92.811
	- Tổng số tiền dư nợ:	Tr. đồng	3.536.774	4.067.290



STT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
2	<b>Hỗ trợ về y tế</b>			
	<b>a) Cấp thẻ bảo hiểm y tế (Bảo hiểm xã hội)</b>			
	- Số người nghèo được cấp thẻ BHYT:	Người	7.753	6.456
	Kinh phí thực hiện:	Tr. đồng	5.810	4.189
	- Số người cận nghèo được hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT	Người	28.174	29.499
	Kinh phí thực hiện:	Tr. đồng	20.131	13.673
	<b>b) Khám chữa bệnh (Ngành Y tế)</b>			
	- Số người nghèo được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế:	Người	3.078	3.000
	Kinh phí thực hiện	Tr. đồng	1.187	955
	- Số người cận nghèo được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế:	Người	14.441	7.000
	Kinh phí thực hiện	Tr. đồng	884	900
	- Số người có hoàn cảnh khó khăn được miễn giảm viện phí:	Người	2.305	1500
	Kinh phí thực hiện	Tr. đồng	200	120
3	<b>Hỗ trợ về giáo dục (Ngành GD&amp;ĐT)</b>			
	Tổng số học sinh được hỗ trợ	Học sinh	14.267	2.023
	Kinh phí thực hiện	Tr. đồng	7.111	15.200
4	<b>Trợ giúp pháp lý miễn phí (Ngành Tư pháp)</b>			
	- Số lượt người nghèo được trợ giúp miễn phí	Người	24	100%
	Trong đó người DTTS được hỗ trợ	Người	7	100%
	- Số cuộc tuyên truyền pháp luật	Số cuộc	29	
	- Số cộng tác viên được đào tạo/tập huấn	Người	5	
5	<b>Hỗ trợ tiền điện (Ngành LĐTĐ)</b>			
	- Số hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ:	Hộ	1.686	1.904
	- Kinh phí thực hiện:	Tr. đồng	969	1.165
6	<b>Hỗ trợ nước sạch (Ngành NN&amp;PTNT)</b>			
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ lắp đồng hồ nước	Lượt hộ	51	20
	- Kinh phí thực hiện (ngân sách địa phương):	Tr. đồng	48	20
7	<b>Trợ cấp Tết Nguyên đán (Ngành LĐTĐ)</b>			
	Số hộ nghèo được trợ cấp:	Hộ	2.901	1.904
	Kinh phí thực hiện:	Tr. đồng	2.901	2.094
	+ Trong đó số hộ nghèo DTTS được hỗ trợ:	Hộ	152	113
	+ Kinh phí thực hiện:	Tr. đồng	152	137
8	<b>Hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo</b>			
	a) Hỗ trợ cho hộ dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo.			
	- Số hộ nghèo, cận nghèo DTTS được hỗ trợ:	Hộ	88	101
	- Tổng kinh phí thực hiện:	Tr. đồng	5.000	3.142
	Trong đó: - Ngân sách Trung ương:	Tr. đồng		
	- Ngân sách địa phương: Quỹ vì người nghèo (vốn huy động)	Tr. đồng	4.925	1.722
	- Vốn tín dụng:	Tr. đồng	75	1.420
	Trong đó:			
	Hỗ trợ về đất ở:	Hộ		61
	Kinh phí thực hiện:	Tr. đồng		
	Hỗ trợ nhà ở		88	12
	Kinh phí thực hiện		5.000	900
	Hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề	Hộ		210



STT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
	Kinh phí thực hiện:	Tr. đồng		842
	Hỗ trợ chuyên đổi nghề	Hộ		28
	Kinh phí thực hiện:	Tr. đồng		1.400
	b) Hỗ trợ kinh phí học tập cho sinh viên DTTS:			
	- Số sinh viên DTTS nghèo được hỗ trợ:	Sinh viên		5
	Kinh phí thực hiện (chính sách đặc thù)	Tr. đồng		80
<b>III</b>	<b>DỰ ÁN THÀNH PHẦN CHƯƠNG TRÌNH</b>			
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>			
	Mô hình	Mô hình	33	33
	Số hộ tham gia	Hộ	118	118
	Kinh phí:	Tr. đồng	10.502	10.502
	- Vốn vay	Tr. đồng	3.775	3.775
	- Vốn huy động	Tr. đồng	6.727	6.727
<b>2</b>	<b>Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, cải thiện dinh dưỡng</b>			
	Trong đó:			
<b>2.1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</b>			
	- Số mô hình phát triển sản xuất:	Mô hình	3	25
	- Số người nghèo, người cận nghèo được tập huấn khoa học kỹ thuật (lồng ghép Hội nông dân quận, huyện)	Người	264	1.080
	- Ngân sách địa phương	Tr. đồng	100	800
	- Vốn huy động khác	Tr. đồng	50	600
<b>2.2</b>	<b>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</b>			
	Trẻ em thuộc hộ nghèo suy dinh dưỡng	Trẻ	80	65
	Kinh phí thực hiện: trong đó			
	- Bồi dưỡng trẻ em suy dinh dưỡng, gói thực phẩm sinh năng lượng	Tr. đồng	20	20
	- Tập huấn, hướng dẫn thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ có con bị suy dinh dưỡng	Tr. đồng	25	10
	- In ấn, tài liệu truyền thông, biểu đồ tăng trưởng trẻ em	Tr. đồng	8	20
	- Tài liệu truyền thông về "Cải thiện dinh dưỡng"	Tờ	14.240	
	Kinh phí	Tr. đồng		
	- Mua cân đồng hồ cân bà mẹ và trẻ em cấp cho 83 trạm y tế xã, phường, thị trấn	Tr. đồng	7	
	- Mua thước đo chiều ao cho trẻ (thước gỗ) cấp cho 83 xã, phường, thị trấn.	Tr. đồng	2	
	- Tập huấn cán bộ y tế trường học quản lý, cải thiện chất lượng bữa ăn học đường			
	Số người tham gia tập huấn	Người	105	
	Kinh phí	Tr. đồng	29	10
	- Tập huấn công tác giáo dục chăm sóc dinh dưỡng, phòng chống thiếu vi chất và chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường cho giáo viên tại các trường học			
	Số người tham gia tập huấn	Người	57	
	Kinh phí	Tr. đồng	9	20

STT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
<b>3</b>	<b>Dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp</b>			
3.1	<b>Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp</b>			
	- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (phối hợp Ban, ngành, đoàn thể địa phương)	Người	241	200
	- Kinh phí thực hiện	Tr. đồng	360	1.120
	Trong đó:			
	- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo (phối hợp lồng ghép các ban, ngành, Đoàn thể địa phương)	Người	156	80
	Kinh phí thực hiện	Tr. đồng	290	472
	- Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ cận nghèo (phối hợp lồng ghép các ban, ngành, Đoàn thể địa phương)	Người	108	120
	Kinh phí thực hiện	Tr. đồng	70	648
<b>4</b>	<b>Dự án 4: 'Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo</b>	Tr. đồng		
	- Tổng số căn nhà hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo	Căn	583	500
	- Kinh phí thực hiện:	Tr. đồng	31.200	20.000
	Trong đó:			
	- Hỗ trợ nhà ở theo dự kiến (đang chờ Thủ tướng ban hành)	Số căn		
	Kinh phí thực hiện (ngân sách địa phương).	Tr. đồng		
	- Hỗ trợ nhà ở nguồn xã hội hóa:	Số căn	583	500
	Kinh phí vận động:	Tr. đồng	31.200	20.000
<b>5</b>	<b>Dự án 5: Truyền thông giảm nghèo về thông tin</b>			
	Truyền thông về giảm nghèo	Cuộc	6	160
	Kinh phí thực hiện	Tr. đồng	60	200
<b>6</b>	<b>Dự án 6: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</b>			
6.1	<b>Tập huấn công tác giảm nghèo</b>			
	- Số cán bộ được tập huấn công tác giảm nghèo	Người	827	675
	- Kinh phí thực hiện (ngân sách địa phương)	Tr. đồng	170	170
6.2	<b>Hoạt động kiểm tra giám sát, đánh giá</b>			
	- Số cuộc kiểm tra, giám sát	Cuộc	7	18
	Kinh phí thực hiện	Tr. đồng	10	20





**Phụ lục 3**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023**

*(Kèm theo Kế hoạch số: 82 /KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện	Trong đó				Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn vay ưu đãi	Huy động cộng đồng	
<b>I</b>	<b>CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO</b>	<b>794.282</b>	<b>580</b>	<b>35.761</b>	<b>756.219</b>	<b>1.722</b>	
1	Hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng chính sách khác	754.799			754.799		
2	Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người DTTS vùng khó khăn, người sinh sống địa bàn đặc biệt khó khăn	4.189		4.189			
3	Hỗ trợ 100% kinh phí mua thẻ BHYT cho người cận nghèo	13.673		13.673			
4	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn, giảm học phí	15.200	580	14.620			
5	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo hộ chính sách xã hội	1.165		1.165			
6	Hỗ trợ lắp đồng hồ nước	20		20			
7	Trợ cấp Tết Nguyên đán năm 2023 cho hộ nghèo	2.094		2.094			
8	Hỗ trợ Dân tộc thiểu số nghèo khó khăn	3.142			1.420	1.722	
<b>II</b>	<b>CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>33.092</b>		<b>2.390</b>	<b>3.775</b>	<b>26.927</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án 1: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</b>				<b>3.775</b>	<b>6.727</b>	
<b>2</b>	<b>Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, cải thiện dinh dưỡng</b>			<b>880</b>		<b>200</b>	
	Trong đó:						
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp			800		200	
2.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng			80			
<b>3</b>	<b>Dự án 3: Phát triển giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>1.120</b>			
<b>4</b>	<b>Dự án 4: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo</b>					<b>20.000</b>	

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện	Trong đó				Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn vay ưu đãi	Huy động cộng đồng	
5	Dự án 5: Truyền thông giảm nghèo về thông tin			200			
6	Dự án 6: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình			190			
	Trong đó:						
6.1	Tập huấn công tác giảm nghèo			170			
6.2	Hoạt động kiểm tra giám sát, đánh giá, rà soát			20			
<b>Tổng cộng: (I+II)</b>		<b>827.374</b>	<b>580</b>	<b>38.151</b>	<b>759.994</b>	<b>28.649</b>	